

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Nghề đào tạo: Kế toán Mã nghề: 6340301
2. Trình độ đào tạo: Cao đẳng Lớp CDKT-K12
3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
4. Mục tiêu đào tạo:

4.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên trình độ cao đẳng ngành kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản, có kỹ năng thực hành thành thạo về nghiệp vụ kế toán, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có đủ khả năng giải quyết những vấn đề thông thường về chuyên môn kế toán và tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện hội nhập quốc tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

4.2.1. Về kiến thức

- Hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Vận dụng các kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ và tin học, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục nghề nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.
- Hiểu được những kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề kế toán;
- Trình bày được các quy định về kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ của nghề;
- Hiểu được những kiến thức cơ bản, cần thiết về tin học, ngoại ngữ liên quan đến việc thực hiện nghiệp vụ kế toán;
- Phân tích được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán;
- Biết cách xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Biết được cách cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Có khả năng phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh.

4.2.2. Về kỹ năng

- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;

- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
- Tổ chức được công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Lập được báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Thiết lập được mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
- Sử dụng được phần mềm kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp và kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Báo cáo được các thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả;
- Ngoại ngữ: Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống thông thường; đọc, hiểu được các thông tin, tài liệu chuyên môn tiếng Anh thông dụng liên quan đến lĩnh vực Kế toán (tương đương Bậc 2 được quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
- Tin học: Sử dụng thành thạo vi tính trong công việc; sử dụng tốt công cụ Internet để thu thập và trao đổi thông tin; sử dụng được phần mềm kế toán thông dụng, tổng hợp các dữ liệu trên máy tính liên quan đến ngành đào tạo phục vụ công việc.

5. Khóa: 12

6. Thời gian khóa học: 2,5 năm (30 tháng – 5 học kỳ từ 9/2025 đến 02/2027)

7. Thời gian học tập: 110 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô-đun: 360 giờ.

8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 18 tuần

9. Địa điểm thực hiện: Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công Thương

10. Quyết định phê duyệt chương trình: *Quyết định số: 285/QĐ-KTKTCT ngày 27 tháng 08 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương.*

I. LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

		Tuần															
Năm học	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I					K	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	C	C	H	H	T	T	T	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM
	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
II	CM	CM	CM	CM	CM	H	H	H	H	H	H	CM	CM	CM	CM	CM	T
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM
	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
III	CM	CM	H	H	T	T	T	N	N	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM
	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
	CM	CM	CM	CM	CM	H	H	H	H	H	H	CM	CM	CM	CM	CM	T
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	N	N	N	N	N	N	N	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D
	18	19	20	21	22	23	24	25	26								
	D	D	D	T	T	T	T	T	T								

K
Khai giảng

C
Môn chung

CM
Môn học /mô- đun chuyên môn

T
Ôn, thi kết thúc môn học, mô đun

H
Nghỉ hè, lễ

D
Thực tập tại doanh nghiệp

II. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Các môn học	Thời gian học tập (giờ)				Kế hoạch giảng dạy (giờ)								
		Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Năm 1				Năm 2		Năm 3	
							Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5			
1.	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5	75							
2.	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4		60						
3.	Nguyên lý kế toán	3	60	30	26	4	60							
4.	Nguyên lý thống kê	2	45	15	27	3		45						
5.	Tin học	3	75	15	58	2		75						
6.	Pháp luật	2	30	18	10	2	30							
7.	Kinh tế vi mô	2	45	15	27	3	45							
8.	Tiếng anh	4	120	42	72	6	120							
9.	Kinh tế chính trị	3	60	30	26	4		60						
10.	Giáo dục quốc phòng – An ninh	3	75	36	35	4	75							
11.	Luật kinh tế	2	45	15	27	3			45					
12.	Thông kê doanh nghiệp	2	45	15	27	3			45					
13.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	45	15	28	2				60				
14.	Tài chính doanh nghiệp	3	60	30	27	3				60				
15.	Tiếng anh chuyên ngành	3	60	30	26	4								
16.	Kế toán tài chính 1	6	120	60	52	8		120						
17.	Kế toán quản trị	3	60	30	27	3			60					
18.	Thuế	3	60	30	27	3			60				45	
19.	Kiểm toán	2	45	15	27	3							45	
20.	Tin học ứng dụng trong kế toán	2	45	15	27	3								

21.	Kế toán tài chính 2	6	120	60	52	8				120			
22.	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	60	30	27	3					60		
23.	Thực tập nghề nghiệp	6	270	0	270	0					135	135	
24.	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	360	0						360	
Chọn 7 trong tổng số 13 môn học/mô đun:													
25.	Kế toán máy	2	45	15	27	3							
26.	Kế toán thuế	2	45	15	27	3							
27.	Toán kinh tế	2	45	15	27	3							
28.	Kinh tế vĩ mô	2	45	15	27	3							
29.	Kinh tế quốc tế	2	45	15	27	3							
30.	Thị trường chứng khoán	2	45	30	12	3							
31.	Kế toán thương mại dịch vụ	2	45	15	27	3							
32.	Quản trị học	2	45	15	27	3							
33.	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	45	15	27	3							
34.	Thực hành khai báo thuế	2	45	15	27	3							
35.	Khởi tạo doanh nghiệp	2	45	15	27	3							
36.	Kiến thức, kỹ năng bổ trợ	2	45	15	27	3							
37.	Soạn thảo văn bản	2	45	15	27	3							
	Tổng số	94	2355	697	1554	104	405	450	465	450	450	585	

Ngày... tháng... năm 2025

CAO ĐẲNG TRƯỜNG

KINH TẾ - KỸ THUẬT

CÔNG THƯƠNG

Đào Ngọc Duyệt